

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/DS-ST
Ngày: 28-7-2020
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Ứng.

Ông Võ Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 và ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 37/TB-TA ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thúy P, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Lê Kim H, sinh năm 1953 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thúy P trình bày:

Từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 10 năm 2019 (âm lịch), chị P cho bà Lê Kim H vay số tiền 51.000.000 đồng trong 03 lần, cụ thể như sau:

Ngày 06/3/2018 (âm lịch), bà H vay số tiền 10.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả, khi cần chị P sẽ thông báo trước cho bà H. Ngày 04/9/2019 (âm lịch), bà H vay tiếp số tiền 15.000.000 đồng. Sau hai lần vay tiền, chị P và bà H thỏa thuận việc trả lãi chung của số tiền vốn 25.000.000 đồng là 5 phân/tháng, tương đương 5%/tháng kể từ ngày 04/9/2019 (âm lịch). Tuy nhiên, thực tế chị P chỉ thu lãi 500.000 đồng/tháng, đồng thời bà H trả được 2.500.000 đồng tiền lãi thì ngưng. Tiền vốn 25.000.000 đồng bà H chưa thanh toán cho chị P. Cả hai lần vay tiền đều có làm biên nhận, biên nhận sau ghi số tiền 25.000.000 đồng là cộng với lần vay trước, bà H có ký tên trên cả hai biên nhận.

Ngày 20/10/2019 (âm lịch), bà H tiếp tục vay số tiền 26.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 8 phân/tháng, tương đương 8%/tháng, nhưng thực tế bà H chỉ trả được tổng cộng tiền lãi là 2.000.000 đồng. Lần vay tiền này cũng làm biên nhận và bà H ký tên.

Mặc dù trên biên nhận thể hiện thời hạn vay nhưng giữa chị P và bà H có thỏa thuận bằng lời nói, khi cần tiền chị P sẽ thông báo trước cho bà H khoảng 01 đến 02 tháng. Ngày 19/11/2019, chị P đã thông báo cho bà H, bà H nhiều lần hứa trả nhưng không thực hiện.

Do đó, chị P khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc là 51.000.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi. Chị P không đồng ý cho bà H trả dần số nợ.

Ngoài ra, chị P không có yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Kim H trình bày:

Bà H vay tiền của chị P tổng cộng 04 lần nhưng thời gian bà H không nhớ chính xác, cụ thể như sau:

Năm 2019 (bà H không nhớ rõ thời gian cụ thể), bà H vay của chị P 10.000.000 đồng, sau đó vay thêm 15.000.000 đồng. Cả hai lần chị P cộng lại ghi chung vào một giấy nhận nợ ngày thứ tư, tháng 9 năm 2019 (âm lịch). Biên nhận nợ mà chị P cung cấp bà H thừa nhận có ký tên vào biên nhận này. Bà H đóng lãi đầy đủ 1.000.000 đồng hàng tháng, đến tháng 01 năm 2020 (âm lịch) thì ngưng không đóng tiếp. Nợ gốc thì chưa thanh toán.

Bà H tiếp tục vay của chị P 10.000.000 đồng, sau đó vay thêm 16.000.000 đồng (thời gian cụ thể bà H không nhớ). Cả hai lần chị P cộng lại ghi chung vào một biên nhận mượn tiền ngày 21/10/2019 (âm lịch), biên nhận này bà H không ký tên, chị P đưa cho bà H giữ. Đối với biên nhận mà chị P cung cấp bà H thừa nhận có ký tên vào biên nhận. Bà H đóng lãi 1.000.000 đồng/tháng trong vòng tháng 11 và tháng 12 năm 2019 (âm lịch), đến tháng 01 năm 2020 (âm lịch) thì ngưng không đóng tiếp. Nợ gốc thì chưa thanh toán.

Các lần vay tiền bà H không thỏa thuận với chị P về thời gian trả. Chị P nhiều lần yêu cầu, bà H hứa thanh toán lần lượt vào ngày 30/12/2019 (âm lịch) và trong tháng 01 năm 2020 (âm lịch) nhưng không thực hiện được do không

hốt được hui. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, bà H đồng ý trả cho chị P số tiền 51.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tuy nhiên, ngày 11/5/2020, tại phiên tòa bà H thay đổi ý kiến trình bày. Bà H chỉ thừa nhận nợ chị P 20.000.000 đồng và trả được cho chị P 17.000.000 đồng tiền lãi, đối với số nợ 31.000.000 đồng là tiền nợ xuất phát từ việc chơi số đề giữa bà và chị P không có giấy tờ gì. Đồng thời bà H không thừa nhận chữ ký trong các biên nhận mà chị P cung cấp là của bà và yêu cầu Tòa án ra quyết định trung cầu giám định đối với các chữ ký mang tên “H” có trong “Biên nhận về việc mượn tiền” và “Giấy mượn tiền”.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ có chữ viết, chữ ký của bà H làm mẫu so sánh là các tài liệu có trong hồ sơ vụ án (Ký hiệu từ M1 đến M12). Tòa án đã ra Quyết định trung cầu giám định số 01/2020/QĐ-TCGD ngày 25/5/2020. Kết luận giám định số 403/KTHS-Đ2 ngày 23/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang thể hiện như sau:

“Chữ ký dạng chữ viết “H” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký dạng chữ viết “H” trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M12 do cùng một người ký ra”.

Tại phiên tòa, chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà H chỉ đồng ý trả cho chị P 20.000.000 đồng và trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, buộc bà H trả cho chị P số tiền 51.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Chị P không yêu cầu trả lãi nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thúy P yêu cầu bà Lê Kim H trả số tiền vay còn nợ là 51.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị P đã cung cấp cho Tòa án 02 bản chính Biên nhận về việc mượn tiền và Giấy mượn tiền. Nội dung các biên nhận thể hiện số tiền vay tổng cộng là 51.000.000 đồng. Trong suốt quá trình tố tụng đến trước khi mở phiên tòa, bà H

đều thừa nhận còn nợ chị P số tiền 51.000.000 đồng và thừa nhận chữ ký của bà trên các chứng cứ mà chị P cung cấp. Tuy nhiên, đến phiên tòa ngày 11/5/2020, bà H lại thay đổi ý kiến trình bày không thừa nhận chữ ký của bà và yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang cho thấy chữ ký dạng chữ viết “H” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu là “Giấy mượn tiền” và “Biên nhận về việc mượn tiền” so với chữ ký dạng chữ viết “H” trên các tài liệu mẫu có trong hồ sơ vụ án do cùng một người ký ra. Do đó, việc thay đổi lời trình bày của bà H là không có cơ sở, chị P yêu cầu bà H trả số tiền 51.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Theo “Giấy mượn tiền” và “Biên nhận về việc mượn tiền” cho thấy lãi suất các bên thỏa thuận đối với số tiền 25.000.000 đồng là 5%/tháng, đối với số tiền 26.000.000 đồng là 8%/tháng. Chị P cho rằng bà H trả được 2.500.000 đồng đối với số tiền 25.000.000 đồng và 2.000.000 đồng đối với số tiền 26.000.000 đồng. Bà H trình bày bà trả lãi đầy đủ cho chị P và trả được 17.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Xét thấy lãi suất các bên thỏa thuận cao hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà H không trả lãi hết toàn bộ thời hạn vay đồng thời không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả. Mặt khác, chị P không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Bà H yêu cầu được trả dần số nợ bằng cách trả mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng nhưng không được chị P đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Mặt khác, sau khi chị P thông báo việc trả nợ, bà H nhiều lần hứa mà không thực hiện và kéo dài cho đến nay. Việc bà H chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị P được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên bà được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm

2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thúy P.

Buộc bà Lê Kim H có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thúy P số tiền 51.000.000 đồng (*Năm mươi một triệu đồng*), thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Bà Lê Kim H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Trần Thúy P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.325.000 đồng theo biên lai thu số 49337 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm